

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 26-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Riêng

Các Hội thẩm:

Ông Võ Văn Đây

Ông Cao Hiền Tự

Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Từ Văn Nh, sinh năm 1991 tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Tên gọi khác: Từ Văn Nh.

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn S, không rõ sinh năm, nơi cư trú và bà Từ Thị R, sinh năm 1969; có vợ Lê Thị D (đã ly hôn), có 01 người con tên Từ Gia H, sinh năm 2016; tiền án: có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản tại bản án số: 36/2017/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tiền sự: không có; có nhân thân: xấu; bắt tạm giữ ngày 03 tháng 02 năm 2019, đến ngày 06 tháng 02 năm 2019 chuyển sang tạm giam đến ngày xét xử sơ thẩm (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: K, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: K, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bà Từ Thị R, sinh năm 1969 (có mặt);
Nơi cư trú: 152/42 Lý, Phường H, quận T, thành Phố Hồ Chí Minh.
Người tham gia tố tụng khác:
- Người làm chứng:
Anh Đoàn Văn A, sinh năm 1995;
Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt, không có lý do);
Nơi cư trú: K1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 25/10/2018, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Từ Văn Nh, nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Sau đó, Nh đi bộ từ nhà đến thị trấn Đ, huyện T nhằm mục đích tìm gà để trộm, khi đến nhà của anh Nguyễn Thanh T, cư trú tại k, thị trấn Đ, huyện T thì Nh thấy cửa nhà sau của anh T không có khóa nên lén lúc đi vào bên trong tìm kiếm tài sản để lấy trộm cắp, khi lên nhà trước, Nh phát hiện xe mô tô biển số 84G1- 238.26, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu bạc - xanh đang đậu, trên xe có gắn chìa khóa sẵn, chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Ngọc Y (em ruột của T), ngày 24/10/2018, chị Y cho anh T mượn sử dụng. Bị cáo Nh quan sát thấy anh T đang ngủ nên Nh mở cửa nhà trước, dẫn xe mô tô ra phía ngoài rồi điều khiển chạy về nhà của mình tại ấp T, xã Đ, huyện T và Nh dùng kéo cắt dè sau có gắn biển số xe mô tô nêu trên ra cất giấu vào trong tủ. Đến ngày 26/10/2018, Nh điều khiển xe mô tô nêu trên một mình đến chỗ ở của anh Nguyễn Văn H, tại k, thị trấn T, huyện T gặp H và rủ Đoàn Văn A cùng nhau lên thành phố Hồ Chí Minh, A đồng ý. Trên đường đi, Nh nói cho A biết phương tiện đang điều khiển là do trộm cắp của người khác mà có, khi đến thành phố Hồ Chí Minh, Nh không bán được xe mô tô trộm được nên ngày 27/10/2018, Nh điều khiển xe chở A về nhà trọ của anh H để ngủ qua đêm. Đến khoảng 8 giờ, ngày 28/10/2018, Nh rủ A cùng nhau tháo búng trái, búng phải, ốp sườn trái, ốp sườn phải, mặt nạ, tam giác chắn bùn, cao su, yên xe mô tô ra và phun nước sơn đen lên thân xe, mục đích để che giấu đặc điểm nhận dạng, sau khi tháo xong, Nh để lại các phụ tùng xe mô tô trộm được tại chỗ ở của H, rồi rủ A đi huyện D chơi. A điều khiển xe mô tô chở Nh đến xã Đ thì bị cảnh sát giao thông Công an huyện Duyên Hải kiểm tra. Lúc này Nh nói với A khai tên, địa chỉ của người khác mục đích để cho Công an huyện Duyên Hải không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của A, do đó A khai tên em ruột của mình là Đoàn Văn V và lấn ngón tay trở phải xác nhận vào biên bản vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ phương tiện xe mô tô.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 33 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu:

YAMAHA, loại: Exciter, màu bạc -xanh, xe bánh mâm, phanh đĩa, biển số 84G1 - 238.26, số máy:1S9A060431, số khung: RLCE1S9A0EY06320 xe đã qua sử dụng từ tháng 7 năm 2014, tình trạng xe hoạt động tốt có giá trị 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA, loại: Exciter, màu bạc-xanh, xe bánh mâm, phanh đĩa, biển số 84G1 - 238.26, số máy:1S9A060431, số khung: RLCE1S9A0EY06320 xe đã qua sử dụng, 01 bửng trái xe mô tô, màu xanh - bạc; 01 bửng phải xe mô tô, màu xanh- bạc; 01 ốp sườn trái xe mô tô, màu xanh-bạc; 01 ốp sườn phải xe mô tô, màu xanh - bạc; 01 mặt nạ xe mô tô, màu xanh- bạc; 01 tam giác chắn bùn, màu trắng; 01 cao su yên xe mô tô, màu đen; 01 biển số xe mô tô 84G1 - 238.26 gắn trên dè sau xe mô tô, màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc Y, đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Tại cáo trạng số: 30/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo Từ Văn Nh (tên gọi khác: Từ Văn Nh) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thừa nhận những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai nhận cũng như toàn bộ nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú mô tả về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là hoàn toàn đúng đắn, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Từ Văn Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Từ Văn Nh từ 01(một) năm đến 01 (một) 06 (sáu) tháng tù và áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số: 20/2019/HS-ST, ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú về tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo Nh phải chấp hành hình phạt là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đến 2 (hai) 03 (ba) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự đề nghị không giải quyết do bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì

khác; Về vật chứng đề nghị không giải quyết do đã giao trả cho bị hại nhận xong; Về án phí đề nghị buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc Y, đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra hồ sơ vụ án cụ thể: khoảng 23 giờ, ngày 25 tháng 10 năm 2018, bị cáo đi bộ một mình với mục đích đi tìm tài sản để trộm cắp, bị cáo đã lợi dụng đêm tối vào nhà của anh T thuộc k, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 84G1- 238.26, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu bạc - xanh, xe đã qua sử dụng có giá trị 18.000.000 đồng của anh Nguyễn Thanh T. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nh phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự ở địa phương. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức coi thường pháp luật đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người bị hại. Mặc dù trước đây bị cáo đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 08 tháng tù chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục tái phạm trộm cắp tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Qua đó đã thể hiện bị cáo có nhân thân xấu vì đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại

thực hiện hành vi phạm tội vì vậy, việc xem xét quyết định hình phạt tù có thời hạn cho bị cáo Nh là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần dành cho bị cáo một bản án nghiêm, tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo thấy rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với Đoàn Văn A là người được bị cáo rủ đến thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi A được bị cáo cho biết xe mô tô biển số 84G1- 238.26 đang điều khiển là do trộm cắp mà có. Sau đó, A phụ giúp bị cáo thay đổi đặc điểm nhận dạng xe nêu trên và điều khiển xe chở bị cáo đến xã Đ, huyện D, khi đang đi trên đường thì bị Cảnh sát giao thông Công an huyện Duyên Hải kiểm tra và A đã cố tình khai báo gian dối về nhân thân của mình. Xét thấy, hành vi của A không thuộc các trường hợp phạm tội che giấu tội phạm quy định tại Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015, nên ngày 06/5/2019, Công An huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đoàn Văn A với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó là do vi phạm pháp luật mà có quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ.

Đối với anh Nguyễn Văn H là bạn của bị cáo và Đoàn Văn A, H có thấy bị cáo điều khiển xe mô tô nêu trên đến chỗ ở của anh H và để lại các phụ tùng xe mô tô tại chỗ ở của H nhưng anh H không biết những đồ vật nêu trên là của xe mô tô do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, không có cơ sở xử lý đối với anh Nguyễn Văn H.

Đối với ông Từ Văn X là cậu ruột và sống chung nhà với bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo lợi dụng lúc ông X không có ở nhà đã dùng kéo cắt dè sau có gắn biển số xe mô tô 84G1- 238.26 ra cắt giấu vào trong tủ nhà của ông X, ông X không hay biết. Do đó, không có cơ sở xử lý đối với ông Từ Văn X.

[5] Về Vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA, loại: Exciter, màu bạc-xanh, xe bánh mâm, phanh đĩa, biển số 84G1-238.26, số máy:1S9A060431, số khung: RLCE1S9A0EY06320 xe đã qua sử dụng; 01 bửng trái xe mô tô, màu xanh - bạc; 01 bửng phải xe mô tô, màu xanh- bạc; 01 ốp sườn trái xe mô tô, màu xanh-bạc; 01 ốp sườn phải xe mô tô, màu xanh - bạc; 01 mặt nạ xe mô tô, màu xanh- bạc; 01 tam giác chắn bùn, màu trắng; 01 cao su yên xe mô tô, màu đen; 01 biển số xe mô tô 84G1- 238.26 gắn trên dè sau xe mô tô, màu đen. Bị hại anh Nguyễn Thanh T đã nhận lại tài sản trên theo quyết định xử lý vật chứng ngày 01/4/2018 và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Về trách nhiệm dân sự; Về vật chứng và Về án phí là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc Y, đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng mà bà Từ Thị R nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Từ Văn Nh do anh T và chị Y không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên hoàn trả lại cho bà Từ Thị R số tiền 4.000.000 đồng theo biên lai số 0008574, ngày 24 tháng 5 năm 2019 và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 326, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Từ Văn Nh (Nh) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Từ Văn Nh (Nh) 01 (một) năm tù, tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số: 20/2019/HS-ST, ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó bị cáo Từ Văn Nh (Nh) phải chấp hành hình phạt là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 02 năm 2019.

Về vật chứng vụ án: Không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Trả lại số tiền 4.000.000 đ (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai thu số 0008574, ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú cho bà Từ Thị R và nhận tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Từ Văn Nh (Nh) phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CC THADS huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh TV;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

KimRiêng